|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **NHÓM SINH** -------------------- **ĐỀ CHÍNH THỨC**  *(Đề thi có 4 trang)* | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021 - 2022 MÔN: SINH HỌC 9** *Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)* |

***Em hãy chọn đáp án trước câu trả lời đúng***

**Câu 1( 0,35đ):** Kiểu gen nào dưới đây được xem là thuần chủng về cả hai cặp tính trạng?

**A.** AaBb **B.** Aabb **C.** aaBb **D.** AABB

**Câu 2(0,3đ):** Ở lúa, tính trạng hạt dài (A) là trội hoàn toàn so với tính trạng hạt tròn (a). Nếu đời F1 có tỉ lệ kiểu hình 50% hạt dài : 50% hạt tròn thì 2 cơ thể đem lai ở P có kiểu gen như thế nào?

**A.** P: AA x aa **B.** P: Aa x Aa

**C.** P: AA x aa hoặc P: Aa x aa **D.** P: Aa x aa

**Câu 3(0,35đ)**: Tính trạng tương phản là

**A**. các tính trạng cùng một loại nhưng biểu hiện trái ngược nhau.

**B.** những tính trạng số lượng và chất lượng.

**C.** tính trạng do một cặp alen quy định.

**D.** các tính trạng khác biệt nhau.

**Câu 4(0,3đ):** Ruồi giấm có 2n = 8 NST. Có 2 hợp tử của ruồi giấm đều nguyên phân 3 lần liên tiếp. Số NST có trong các tế bào con được tạo ra là bao nhiêu?

**A.** 128 **B.** 1024 **C.** 96 **D.** 1280

**Câu 5(0,35đ):** Nhiễm sắc thể được quan sát rõ nhất dưới kính hiển vi ở kỳ giữa vì

**A.** NST dãn xoắn tối đa. **B.** NST đóng xoắn tối đa.

**C.** ADN nhân đôi xong. **D.** NST phân li về hai cực của tế bào.

**Câu 6(0,35đ):** Trong giảm phân, sự tự nhân đôi của nhiễm sắc thể xảy ra ở:

**A.** Kì trung gian của lần phân bào I. **B.** Kì trung gian của lần phân bào II

**C.** Kì giữa của lần phân bào II. **D.** Kì giữa của lần phân bào I.

**Câu 7(0,35đ):** Bộ NST đặc trưng của những loài sinh sản hữu tính qua các thế hệ nhờ sự kết hợp giữa các quá trình nào?

**A.** Giảm phân và thụ tinh. **B.** Nguyên phân và thụ tinh

**C.** Nguyên phân, giảm phân và thụ tinh. **D.** Nguyên phân và giảm phân.

**Câu 8(0,35đ):** Chọn phát biểu ĐÚNG.

**A.** NST thường và NST giới tính đều có khả năng nhân đôi, phân li, tổ hợp và biến đổi hình thái trong quá trình phân bào.

**B.** NST thường và NST giới tính luôn tồn tại thành từng cặp.

**C.** NST chỉ có ở động vật.

**D.** Cặp NST giới tình ở giới cái tồn tại thành cặp tương đồng còn ở giới đực thì không.

**Câu 9(0,35đ):** Từng NST kép tách nhau ở tâm động thành 2 NST đơn phân li về 2 cực của tế bào. NST bắt đầu tháo xoắn. Quá trình này là ở kì nào của nguyên phân?

**A.** Kì đầu **B.** Kì giữa **C.** Kì sau **D**. Kì cuối

**Câu 10(0,3đ):**Cho các hiện tượng sau:

1. Dùng thức ăn có chứa hoocmôn kích thích giới tính đực để tạo ra giống rô phi đơn tính đực

2. Trứng cá sấu được ấp ở nhiệt độ trên 33 độ C, trứng sau đó sẽ nở thành cá sấu đực. Ở các mức nhiệt độ thấp hơn, trứng chỉ nở thành cá sấu cái.

3. Thầu dầu được trồng trong ánh sáng cường độ yếu thì số hoa đực giảm.

4. Dưa chuột trồng nơi có nhiều CO2 sẽ cho tỉ lệ hoa cái cao hơn.

Những hiện tượng nào cho thấy giới tính của sinh vật phụ thuộc vào môi trường sống?

**A.** 1,2,3 **B.** 2,3,4 **C.** 1,3,4 **D**. 1,2,3,4

**Câu 11(0,35đ):** Đơn phân của ARN là:

**A.** nucleotit A, T, G, X. **B.** ribôzơ (đường 5 C).

**C.** nuclêôtit A, U, G, X. **D.** axit amin.

**Câu 12(0,35đ):**Chức năng của ADN là

**A.** Lưu giữ thông tin. **B.** Truyền đạt thông tin.

**C.** Lưu giữ và truyền đạt thông tin. **D.** Tham gia cấu trúc của NST.

**Câu 13(0,35đ):**Tính đặc thù của protein là do

**A.** Trình tự sắp xếp axit amin. **B.** Cấu trúc không gian.

**C.** Số lượng axit amin. **D.** Thành phần axit amin.

**Câu 14(0,35đ):**Sơ đồ mối quan hệ giữa gen và tính trạng nào dưới đây là đúng?

**A.** ADN → ARN → protein → tính trạng.

**B.** Gen → mARN → protein → tính trạng.

**C.** Gen → mARN → tính trạng.

**D.** Gen → ARN → protein → tính trạng.

**Câu 15(0,35đ):**Cho các đặc điểm sau:

1. Đều là các đại phân tử, có kích thước và khối lượng lớn trong tế bào.

2. Đều cấu tạo theo nguyên tắc đa phân, gồm các đơn phân.

3. Đều cấu tạo từ nhiều hợp chất hữu cơ.

4. Giữa các đơn phân đều có liên kết cộng hoá trị và liên kết hydro.

5. Tính đa dạng và đặc thù do thành phần, số lượng và trật tự của các đơn phân quy định.

Những đặc điểm nào biểu hiện sự giống nhau giữa ADN, ARN và protein:

**A.** 1, 2 và 3.    **B.** 1, 2, 4 và 5.     **C.** 1, 2 và 5.     **D.** 1, 2, 3, 4, và 5.

**Câu 16(0,35đ):** ADN được duy trì tính ổn định qua các thế hệ nhờ cơ chế nào?

**A.** Nguyên phân. **B.** Nhân đôi. **C.** Giảm phân. **D.** Di truyền.

**Câu 17(0,3đ):**Sự biểu hiện tính trạng của con giống với bố mẹ là do:

**A.** Kiểu gen của con giống với kiểu gen của bố mẹ

**B.** ADN của con giống với ADN của bố mẹ

**C.** mARN của con giống với mARN của bố mẹ

**D.** Protêin của con giống với protêin của bố mẹ

**Câu 18(0,3đ):** Một gen có nuclêôtit loại A=800 và 2800 liên kết hiđrô. Gen đó có số lượng nuclêôtit là

**A**. 2240 nuclêôtit **B.** 2400 nuclêôtit.

**C.** 2800 nuclêôtit. **D.** 3120 nuclêôtit.

**Câu 19(0,3đ):** Phân tử ADN có tỉ lệ % của nucleotit loại X là 40%, trường hợp nào sau đây ***ĐÚNG***?

**A.** %A + %G = 40% **B.** %X = %G = 60%

**C.** %G = % X = 20% **D.** %A + %T = 20%

**Câu 20(0,3đ):** Một gen có chiều dài 6800A0, chu kỳ xoắn của gen là

A. 100 vòng.     B. 250 vòng.     C. 200 vòng.    D. 150 vòng.

**Câu 21(0,3đ):** Một đoạn ADN có cấu trúc như sau:

Mạch 1: -G-G-T-A-A-X-G-T-

Mạch 2: -X-X-A-T-T-G-X-A-

Giả sử mạch 2 làm khuôn mẫu tổng hợp ARN. Đoạn mạch ARN nào dưới đây phù hợp?

**A.** -X-X-A-T-T-G-X-A- **B.** - G-G-U-A-A-X-G-T-

**C.** -G-G-T-A-A-X-G-T- **D.** - G-G-U-A-A-X-G-U-

**Câu 22(0,35đ):** Quan sát trường hợp minh họa sau đây và hãy xác định đột biến này thuộc dạng nào?

ABCDEFGHI ABCDEFGH

**A.** Mất đoạn nhiễm sắc thể **B.** Đảo đoạn nhiễm sắc thể

**C.** Lặp đoạn nhiễm sắc thể **D.** Chuyển đoạn nhiễm sắc thể

**Câu 23(0,3đ): Trên ruộng lúa, người ta thấy có một số cây mạ màu trắng, đó là loại đột biến nào?**

**A.** Đột biến gen.   **B.** Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể.

**C.** Dị bội thể. **D.** Đa bội thể.

**Câu 24(0,35đ):** Hiện tượng đa bội thể là sự tăng số lượng nhiễm sắc thể xảy ra ở:

**A**. tất cả bộ nhiễm sắc thể trong tế bào.

**B.** một hay một số cặp nhiễm sắc thể nào đó trong tế bào**.**

**C.** nhiễm sắc thể giới tính.

**D.** nhiễm sắc thể thường.

**Câu 25(0,3đ):** Nếu mất đoạn nhiễm sắc thể số 21 ở người sẽ gây ra:

**A.** Hội chứng Đao(Down). **B.** Bệnh ung thư máu.

**C.** Hội chứng Tơcnơ. **D.** Bệnh ung thu phổi.

**Câu 26(0,35đ):** Trường hợp gen cấu trúc bị đột biến thay thế một cặp G - X bằng một cặp A - T thì số liên kết hiđrô trong gen sẽ

**A.** giảm 2. **B.** tăng 2. **C.** tăng 1. **D.** giảm 1.

**Câu 27(0,35đ):** Những tác nhân gây đột biến gen:

**A.** Do tác nhân vật lí, hoá học của môi trường, do biến đổi các quá trình sinh lí, sinh hoá bên trong tế bào.

**B.** Do sự phân li không đồng đều của NST.

**C.** Do NST bị tác động cơ học.

**D.** Do sự phân li đồng đều của NST.

**Câu 28(0,35đ):** Loại đột biến gen nào sau đây làm thay đổi lớn nhất về thông tin di truyền?

**A.** Thay thể một cặp nuclêôtit ở giữa.

**B.** Thêm một cặp nuclêôtit vào bộ ba thứ nhất.

**C.** Mất ba cặp nuclêôtit thuộc một bộ ba.

**D.** Thêm một cặp nuclêôtit vào bộ ba cuối.

**Câu 29(0,35đ):** Đột biến gen là biến đổi

**A.** trong cấu trúc của nhiễm sắc thể.

**B.** trong vật chất di truyền.

**C.** kiểu hình của cùng một kiểu gen.

**D.** trong cấu trúc của gen liên quan tới một hoặc một số căp nuclêôtit.

**Câu 30(0,35đ):** Đột biến số lượng nhiễm sắc thể bao gồm

**A.** lặp đoạn và đảo đoạn nhiễm sắc thể.

**B.** đột biến dị bội và chuyển đoạn nhiễm sắc thể.

**C.** đột biến dị bội và đa bội trên nhiễm sắc thể

**D.** đột biến đa bội và mất đoạn nhiễm sắc thể.

***------ Chúc các em học sinh làm bài tốt! ------***

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **NHÓM SINH** -------------------- **ĐỀ DỰ BỊ**  *(Đề thi có 4 trang)* | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021 - 2022 MÔN: SINH HỌC 9** *Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)* |

***Em hãy chọn đáp án trước câu trả lời đúng***

**Câu 1( 0,35đ):** Kiểu gen nào dưới đây được xem là thuần chủng về cả hai cặp tính trạng?

**A.** AaBb **B.** Aabb **C.** AABB **D.** aaBb

**Câu 2(0,3đ):** Ở cà chua, tính trạng quả đỏ (A) là trội hoàn toàn so với tính trạng quả vàng (a). Nếu đời F1 có tỉ lệ kiểu hình 50% quả đỏ : 50% quả vàng thì 2 cơ thể đem lai ở P có kiểu gen như thế nào?

**A.** P: AA x aa **B.** P: Aa x aa

**C.** P: AA x aa hoặc P: Aa x aa **D.** P: Aa x Aa

**Câu 3(0,35đ)**: Tính trạng tương phản là

**A**. những tính trạng số lượng và chất lượng.

**B.** các tính trạng cùng một loại nhưng biểu hiện trái ngược nhau.

**C.** tính trạng do một cặp alen quy định.

**D.** các tính trạng khác biệt nhau.

**Câu 4(0,3đ):** Ruồi giấm có 2n = 8 NST. Có 1 hợp tử của ruồi giấm đều nguyên phân 3 lần liên tiếp. Số NST có trong các tế bào con được tạo ra là bao nhiêu?

**A.** 64 **B.** 1024 **C.** 96 **D.** 128

**Câu 5(0,35đ):** Nhiễm sắc thể được quan sát rõ nhất dưới kính hiển vi ở kỳ giữa vì

**A.** NST dãn xoắn tối đa. **B.** NST phân li về hai cực của tế bào.

**C.** ADN nhân đôi xong. **D.** NST đóng xoắn tối đa.

**Câu 6(0,35đ):** Trong giảm phân, sự tự nhân đôi của nhiễm sắc thể xảy ra ở:

**A.** Kì trung gian của lần phân bào II. **B.** Kì trung gian của lần phân bào I

**C.** Kì giữa của lần phân bào II. **D.** Kì giữa của lần phân bào I.

**Câu 7(0,35đ):** Bộ NST đặc trưng của những loài sinh sản hữu tính qua các thế hệ nhờ sự kết hợp giữa các quá trình nào?

**A.** Giảm phân và thụ tinh. **B.** Nguyên phân và giảm phân.

**C.** Nguyên phân, giảm phân và thụ tinh. **D.** Nguyên phân và thụ tinh.

**Câu 8(0,35đ):** Chọn phát biểu **ĐÚNG.**

**A.** NST thường và NST giới tính đều có khả năng nhân đôi, phân li, tổ hợp và biến đổi hình thái trong quá trình phân bào.

**B.** NST thưởng và NST giới tính luôn tồn tại thành từng cặp.

**C.** NST chỉ có ở động vật.

**D.** Cặp NST giới tình ở giới cái tồn tại thành cặp tương đồng còn ở giới đực thì không.

**Câu 9(0,35đ):** NST dãn xoắn, màng nhân và nhân con xuất hiện trở lại. Quá trình này là ở kì nào của nguyên phân?

**A.** Kì đầu **B.** Kì giữa **C.** Kì sau **D**. Kì cuối

**Câu 10(0,3đ):**Cho các hiện tượng sau:

1. Dùng thức ăn có chứa hoocmôn kích thích giới tính đực để tạo ra giống rô phi đơn tính đực

2. Trứng cá sấu được ấp ở nhiệt độ trên 33 độ C, trứng sau đó sẽ nở thành cá sấu đực. Ở các mức nhiệt độ thấp hơn, trứng chỉ nở thành cá sấu cái.

3. Thầu dầu được trồng trong ánh sáng cường độ yếu thì số hoa đực giảm.

4. Dưa chuột trồng nơi có nhiều CO2 sẽ cho tỉ lệ hoa cái cao hơn.

Những hiện tượng nào cho thấy giới tính của sinh vật phụ thuộc vào môi trường sống?

**A.** 1,2,3 **B.** 2,3,4 **C.** 1,3,4 **D**. 1,2,3,4

**Câu 11(0,35đ):** Đơn phân của ADN là:

**A.** nucleotit A, T, G, X. **B.** ribôzơ (đường 5 C).

**C.** nuclêôtit A, U, G, X. **D.** axit amin.

**Câu 12(0,35đ):** Chọn nhận định **SAI**.

A. rARN có vai trò tổng hợp các chuỗi polypeptit để tạo thành bào quan riboxom.

B. mARN là bản phiên mã từ mạch khuôn của gen.

C. tARN vận chuyển axit amin cho quá trình tổng hợp protein.

D. rARN tham gia cấu tạo màng tế bào.

**Câu 13(0,35đ):**Tính đặc thù của protein là do

**A.** Cấu trúc không gian. **B.** Trình tự sắp xếp axit amin.

**C.** Số lượng axit amin. **D.** Thành phần axit amin.

**Câu 14(0,35đ):**Sơ đồ mối quan hệ giữa gen và tính trạng nào dưới đây là đúng?

**A.** ADN → ARN → protein → tính trạng.

**B.** Gen → mARN → protein → tính trạng.

**C.** Gen → mARN → tính trạng.

**D.** Gen → ARN → protein → tính trạng.

**Câu 15(0,35đ):**Cho các đặc điểm sau:

1. Đều là các đại phân tử, có kích thước và khối lượng lớn trong tế bào.

2. Đều cấu tạo theo nguyên tắc đa phân, gồm các đơn phân.

3. Đều cấu tạo từ nhiều hợp chất hữu cơ.

4. Giữa các đơn phân đều có liên kết cộng hoá trị và liên kết hydro.

5. Tính đa dạng và đặc thù do thành phần, số lượng và trật tự của các đơn phân quy định.

Những đặc điểm nào biểu hiện sự giống nhau giữa ADN, ARN và protein:

**A.** 1, 2 và 5.    **B.** 1, 2, 4 và 5.     **C.** 1, 2 và 3.     **D.** 1, 2, 3, 4, và 5.

**Câu 16(0,35đ):** ADN được duy trì tính ổn định qua các thế hệ nhờ cơ chế

**A.** Nguyên phân. **B.** Nhân đôi. **C.** Giảm phân. **D.** Di truyền.

**Câu 17(0,3đ):**Sự biểu hiện tính trạng của con giống với bố mẹ là do:  
**A.** Kiểu gen của con giống với kiểu gen của bố mẹ

**B.** Protêin của con giống với protêin của bố mẹ

**C.** mARN của con giống với mARN của bố mẹ

**D.** ADN của con giống với ADN của bố mẹ

**Câu 18(0,3đ):** Một gen có chiều dài 4080A0. Gen đó có số lượng nuclêôtit là

   A. 2240 nuclêôtit B. 2400 nuclêôtit.

   C. 2800 nuclêôtit. D. 3120 nuclêôtit.

**Câu 19(0,3đ):** Phân tử ADN có tỉ lệ % của nucleotit loại G là 40%, trường hợp nào sau đây ***ĐÚNG*?**

**A.** %A + %G = 40% **B.** %X = %G = 60%

**C.** %A + %T = 20% **D.** %G = % X = 20%

**Câu 20(0,3đ):** Một gen có chiều dài 6800A0, chu kỳ xoắn của gen là

A. 100 vòng.     B. 250 vòng.     C. 200 vòng.    D. 150 vòng.

**Câu 21(0,3đ):** Một đoạn ADN có cấu trúc như sau:

Mạch 1: -A-G-T-A-A-X-G-T-

Mạch 2: -T-X-A-T-T-G-X-A-

Giả sử mạch 2 làm khuôn mẫu tổng hợp ARN. Đoạn mạch ARN nào dưới đây phù hợp?

**A.** -T-X-A-T-T-G-X-A- **B.** - A-G-U-A-A-X-G-T-

**C.** -A-G-T-A-A-X-G-T- **D.** - U-G-U-A-A-X-G-U-

**Câu 22(0,35đ):** Quan sát trường hợp minh họa sau đây và hãy xác định đột biến này thuộc dạng nào?

ABCDEFGHI ABCDEFGHHI

**A.** Mất đoạn nhiễm sắc thể **B.** Đảo đoạn nhiễm sắc thể

**C.** Lặp đoạn nhiễm sắc thể **D.** Chuyển đoạn nhiễm sắc thể

**Câu 23(0,3đ): Trên ruộng lúa, người ta thấy có một số cây mạ màu trắng, đó là loại đột biến nào?**

**A.** Đột biến gen.   **B.** Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể.

**C.** Dị bội thể. **D.** Đa bội thể.

**Câu 24(0,35đ):** Hiện tượng đa bội thể là sự tăng số lượng nhiễm sắc thể xảy ra ở:

**A**. tất cả bộ nhiễm sắc thể trong tế bào.

**B.** một hay một số cặp nhiễm sắc thể nào đó trong tế bào**.**

**C.** nhiễm sắc thể giới tính.

**D.** nhiễm sắc thể thường.

**Câu 25(0,3đ):** Nếu mất đoạn nhiễm sắc thể số 21 ở người sẽ gây ra:

**A.** Hội chứng Đao(Down). **B.** Bệnh ung thu phổi.

**C.** Hội chứng Tơcnơ. **D.** Bệnh ung thư máu.

**Câu 26(0,35đ):** Trường hợp gen cấu trúc bị đột biến thay thế một cặp A - T bằng một cặp G - X thì số liên kết hiđrô trong gen sẽ

**A.** giảm 2. **B.** tăng 2. **C.** tăng 1. **D.** giảm 1.

**Câu 27(0,35đ):** Những tác nhân gây đột biến gen.

**A.** Do sự phân li không đồng đều của NST.

**B.** Do tác nhân vật lí, hoá học của môi trường, do biến đổi các quá trình sinh lí, sinh hoá bên trong tế bào.

**C.** Do NST bị tác động cơ học.

**D.** Do sự phân li đồng đều của NST.

**Câu 28(0,35đ):** Loại đột biến gen nào sau đây làm thay đổi lớn nhất về thông tin di truyền?

**A.** Thay thể một cặp nuclêôtit ở giữa.

**B.** Thêm một cặp nuclêôtit vào bộ ba thứ nhất.

**C.** Mất ba cặp nuclêôtit thuộc một bộ ba.

**D.** Thêm một cặp nuclêôtit vào bộ ba cuối.

**Câu 29(0,35đ):** Đột biến gen là biến đổi

**A.** trong cấu trúc của nhiễm sắc thể.

**B.** trong vật chất di truyền.

**C.** kiểu hình của cùng một kiểu gen.

**D.** trong cấu trúc của gen liên quan tới một hoặc một số căp nuclêôtit.

**Câu 30(0,35đ):** Đột biến số lượng nhiễm sắc thể bao gồm

**A.** lặp đoạn và đảo đoạn nhiễm sắc thể.

**B.** đột biến dị bội và chuyển đoạn nhiễm sắc thể.

**C.** đột biến dị bội và đa bội trên nhiễm sắc thể

**D.** đột biến đa bội và mất đoạn nhiễm sắc thể.

***------ Chúc các em học sinh làm bài tốt! ------***

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **NHÓM SINH** -------------------- **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021 - 2022 MÔN: SINH HỌC 9** *Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **Đáp án** | D | D | A | A | B | A | C | A | C | D |
| **Điểm** | 0,35 | 0,3 | 0,35 | 0,3 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,3 |
| **Câu** | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| **Đáp án** | C | D | A | B | C | B | D | B | D | C |
| **Điểm** | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 |
| **Câu** | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| **Đáp án** | D | A | A | A | B | D | A | B | D | C |
| **Điểm** | 0,3 | 0,35 | 0,3 | 0,35 | 0,3 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,35 |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **NHÓM SINH** --------------------  **ĐỀ DỰ PHÒNG** | **ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021 - 2022 MÔN: SINH HỌC 9** *Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **Đáp án** | C | B | B | A | D | B | C | A | D | D |
| **Điểm** | 0,35 | 0,3 | 0,35 | 0,3 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,3 |
| **Câu** | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| **Đáp án** | A | D | B | B | A | B | B | B | C | C |
| **Điểm** | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,3 | 0,3 | 0,3 | 0,3 |
| **Câu** | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| **Đáp án** | D | C | A | A | D | C | B | B | D | C |
| **Điểm** | 0,3 | 0,35 | 0,3 | 0,35 | 0,3 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,35 | 0,35 |